

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 558/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/06/2026

V/v Tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Hứa Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Bùi Thị Mai

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa:
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 06 năm 2026 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 344/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2026/QĐST ngày 25 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1977. CCCD số 0331770xxxxx do Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 01/06/2021.

Nơi thường trú: Trạm thực nghiệm, xã V, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông Đào Duy T, sinh năm 1971. CCCD/CMTND số 0010710xxxxx cấp ngày 17/01/2018.

Nơi thường trú: Khu dân cư số 2, xã C, Thành phố Hà Nội.

(Bà Y có mặt, ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông Đào Duy T quen nhau khoảng năm 2017 qua sự giới thiệu của người quen, hai bên tự do tìm hiểu một thời gian ngắn thì tự nguyện kết hôn. Do hoàn cảnh của bà Y và ông T rất đặc biệt (ông T đã ly hôn người vợ đầu, chồng bà Y đã mất) nên bà Y và ông T thông cảm và đồng cảm cho nhau. Bà Y và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, Thành phố Hà Nội. vào ngày 15/5/2017, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục, tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, bà Y và ông T chung sống tại nhà riêng của ông T tại khu dân cư số 2, xã C, Thành phố Hà Nội. Trước khi kết hôn với bà Y, ông T bị tai nạn giao thông, đi lại bình thường nhưng thị lực bị suy giảm, tay trái không còn khả năng vận động, chỉ làm những công việc nông nghiệp nhẹ. Toàn bộ kinh tế, chi tiêu trong gia đình do bà Y phụ trách. Mặc dù vậy, bà Y vẫn tình nguyện chung sống với ông T. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, ông T không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ

với bà Y những vấn đề phát sinh trong đời sống chung. Những lúc bà Y bị ốm, ông T không chăm sóc, không hỏi thăm nên bà Y cảm thấy mình không nhận được sự yêu thương, chăm sóc từ ông T. Do vậy, bà Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại Trại thực nghiệm, xã V, tỉnh Hưng Yên, sống ly thân với ông T từ ngày 03/3/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà Y và ông T không gặp nhau, nhưng có liên lạc qua điện thoại, ông T có đề nghị đoàn tụ nhưng tính cách vẫn không thay đổi nên bà Y không đồng ý. Nay, bà Y xác định không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đào Duy T vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng ông T đều vắng mặt. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình ông T để tổng đạt tài liệu và lấy ý kiến đương sự, tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/05/2026, ông T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Hải Y quen nhau khoảng năm 2017 qua giới thiệu của người quen, tự do tìm hiểu một thời gian ngắn thì tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, Thành phố Hà Nội năm 2017 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Ông T và bà Y đều kết hôn lần thứ hai, sau khi kết hôn, ông và bà Y chung sống tại nhà riêng của ông T tại Khu dân cư số 2, xã C, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chung sống, ông và bà Y không cãi nhau, không đánh nhau nhưng do bất đồng quan điểm trong việc phân chia di sản của ông T sau này, dẫn đến việc không tìm được tiếng nói chung. Bà Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ khoảng năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông T do tai nạn nên việc đi lại khó khăn, không thể tự đi đón bà Y về, nên ông có gọi điện thoại cho bà Y xong bà Y chặn số điện thoại, vì vậy ông không liên lạc được với bà Y. Nay, ông T xác định vẫn còn tình cảm không đồng ý ly hôn, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Trường hợp bà Y vẫn kiên quyết xin ly hôn thì ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Ông T và bà Y không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T do chân đau, đi lại khó khăn nên đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

* Theo lời khai của ông Trần Hữu Anh, là trưởng thôn khu dân cư số 2, xã C, Thành phố Hà Nội thể hiện: Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Đào Duy T, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, Thành phố Hà Nội vào ngày 15/5/2017, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục tập quán tại địa phương. Ông T và bà Y đều kết hôn lần thứ hai do ông T đã ly hôn người vợ đầu, bà Y có chồng nhưng đã mất. Sau khi kết hôn, ông T và bà Y chung sống tại nhà riêng của ông T tại Khu dân cư số 2, xã C, Thành phố Hà Nội. Ông T và bà Y chung sống với nhau một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, tính cách và đời sống tình cảm không hòa hợp. Bà Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ năm 2018 đến nay. Về con chung:

Ông T và bà Y không có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được Nay Bà Y yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1998 là con đẻ của bà Y: Chị A là con đẻ của bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu T mất năm 2016. Đầu năm 2016, chị A kết hôn và sinh sống tại Thôn Tế Tiêu, xã Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nên sau khi ông Nguyễn Hữu T mất, bà Y phải sống một mình, không có người chăm sóc. Do vậy, qua sự giới thiệu của người quen, bà Y đã tìm hiểu và kết hôn với ông Đào Duy T vào năm 2017. Sau khi kết hôn, bà Y về chung sống với ông T tại khu dân cư số 2, xã C, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, bà Y không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ những gánh nặng về kinh tế cũng như tình cảm từ phía ông T. Mặc dù trước khi kết hôn, bà Y biết ông T bị tai nạn lao động nhưng vì nghĩ hoàn cảnh của hai người đều có nhiều điểm tương đồng sẽ dễ đồng cảm nên hai bên quyết định kết hôn. Thời gian đầu, chị A có ngăn cản vì sợ bà Y sẽ không hạnh phúc nhưng do bà Y vẫn quyết tâm nên chị A không có ý kiến gì. Bà Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại Trại thực nghiệm, xã V, tỉnh Hưng Yên năm 2018 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, bà Y và ông T không gặp nhau, ông T cũng không sang nhà đón bà Y về. Nay bà Y xin ly hôn với ông T, chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn để ổn định tâm lý và xây dựng cuộc sống mới. Bà Y và ông T không có con chung, không có tài sản chung, không có công nợ chung. Về các vấn đề khác không nắm được và không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Y xử cho Bà Y được ly hôn với ông T. Ông T đã được triệu tập nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Bà Y phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C cùng lời trình bày của các đương sự tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn ông Đào Duy T có hộ khẩu thường trú tại Khu dân cư số 2, xã C, Thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Hải Y và ông Đào Duy T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2022, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Bà Y và ông T không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Mặc dù được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa Bà Y và ông T ngày càng gay gắt dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Bà đã sống ly thân được từ năm 2018 đến nay, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Bà Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, Bà đề nghị được ly hôn với ông T. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, Bà Nguyễn Thị Hải Y đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của Bà Y xin ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Y, ông T xác nhận không có, nên không xét.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Bà Y, ông T xác nhận không có, nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28,35,39,147,227,271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Bà Nguyễn Thị Hải Y đối với ông Đào Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Bà Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với ông Đào Duy T.

Về con chung: Bà Y, ông T xác nhận không có, nên không xem xét.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Bà Y, ông T xác nhận không có, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Y đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/25E/0016757

ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã T (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 24/12/2022);
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà